

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 987/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 9 - 2020
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – TP.HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Xuân Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kim Anh
2. Ông Phan Hoàng Nam

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 578/2020/TLST–HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2020 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 278/2020/QĐXXST–HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc P, sinh năm 1997

Địa chỉ: 280/80/27 Ấp A, xã Đ, huyện M, Thành phố H.

Tạm trú: 28 L, khu phố N, thị trấn T, huyện B, tỉnh Đ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trịnh Ngọc Anh K – Công ty Luật Hợp danh V thuộc Đoàn Luật sư T.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn T, xã A, thị xã N, tỉnh B.

Tạm trú: D1/13 Ấp B, xã T, huyện C, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc P trình bày:

Bà và ông Nguyễn Hữu H tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân năm 2015, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, Thành phố H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 203, quyền số 02/2015 ngày 13

tháng 11 năm 2015. Thời gian đầu bà và ông H chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do ông H ham mê cờ bạc, đánh đập bà; ông H cũng không có trách nhiệm với gia đình, không chăm lo vợ con. Do khuyên ngăn ông H nhiều lần không được nên bà nộp đơn ly hôn với ông H tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh vào năm 2017. Sau đó, bà và ông H hàn gắn tình cảm vợ chồng nên bà rút đơn ly hôn và được Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 101/2017/QĐST-HNGĐ ngày 14/3/2017.

Tuy nhiên, khi trở về chung sống thì ông H vẫn không thay đổi nên bà đã bỏ đi và đến tỉnh Đ sinh sống từ năm 2018 đến nay. Trong thời gian ly thân, ông H không liên lạc với bà; ông H cũng không đến gặp bà để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hàn gắn được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà và ông H chung sống với nhau có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Anh K1, sinh ngày 24/01/2016, giới tính nam, hiện đang sống chung với cha mẹ ông H ở tỉnh B. Khi ly hôn, bà đồng ý giao con chung cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà và ông H không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông H không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu H trình bày:

Ông thống nhất theo lời trình bày của bà Nguyễn Thị Ngọc P về điều kiện kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Về nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do ông ham chơi, không chăm sóc con, bà P có khuyên ngăn nhiều lần nhưng không được nên ông với bà P cự cãi nhau, bà P bỏ đi từ tháng 4/2017 đến nay. Trong thời gian ly thân, ông có điện thoại liên hệ và gặp bà P để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng bà P không đồng ý. Nay ông vẫn còn thương vợ con nên ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà P, ông xin được đoàn tụ.

Trường hợp Tòa án có căn cứ cho ly hôn thì ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời, do bận công việc nên ông xin được xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc P vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông H; đồng ý giao con chung cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn ông Nguyễn Hữu H vắng mặt, nhưng có lời trình bày không đồng ý ly hôn với bà P; nếu Tòa án có căn cứ cho ly hôn thì ông yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con.

Quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc P:

- Về quan hệ vợ chồng: Hiện tại bà P và ông H đã sống ly thân 02 năm nay và cả hai không có ý định hàn gắn cũng như không có hành động cứu vãn hôn nhân giữa hai người; bà P đã có cuộc sống riêng; bà P và ông H không thể đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo quy

định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P.

- Về con chung: Bà P và ông H có lời trình bày thống nhất giao trẻ Nguyễn Hoàng Anh K1, sinh ngày 24/01/2016, giới tính nam cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; ông H không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật HNGĐ đề nghị HĐXX xem xét, chấp nhận thỏa thuận của các bên về việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà P và ông H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định.

Về nội dung:

- Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải thì bà Nguyễn Thị Ngọc P xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã kéo dài, tình cảm rạn nứt không thể hàn gắn, vợ chồng sống ly thân đã lâu phù hợp với lời trình bày của bị đơn ông Nguyễn Hữu H. Tuy mâu thuẫn giữa bà P và ông H chưa được chính quyền địa phương, người thân hòa giải hoặc nhắc nhở, nhưng xét thấy mục đích hôn nhân giữa bà P và ông H không đạt được. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, ông H trình bày muốn đoàn tụ gia đình vì còn thương vợ con nhưng không đưa ra được biện pháp cụ thể nào để thuyết phục bà P hàn gắn gia đình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc P.

- Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Hoàng Anh K1, sinh ngày 24/01/2016 cho ông Nguyễn Hữu H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà Nguyễn Thị Ngọc P.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc P chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc P yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Hữu H. Đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn cư trú tại huyện Bình Chánh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Nguyễn Hữu H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Hoàng.

[3]. Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 203, quyền số 02/2015 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, Thành phố H cấp ngày 13 tháng 11 năm 2015 thì hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Ngọc P và ông Nguyễn Hữu H là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo lời bà P trình bày thì bà và ông H phát sinh mâu thuẫn từ năm 2016, nguyên nhân là do ông H ham mê cờ bạc, không có trách nhiệm với gia đình. Bà đã nộp đơn ly hôn với ông H tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh vào năm 2017, nhưng sau đó bà đã rút đơn để hàn gắn tình cảm gia đình và được Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 101/2017/QĐST-HNGĐ ngày 14/3/2017. Tuy nhiên, khi trở về chung sống thì ông H vẫn không thay đổi, tình cảm vợ chồng không hàn gắn được nên bà yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông H.

Đối với ông H vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có lời trình bày không đồng ý ly hôn với bà P và xác định nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do bản thân ông ham chơi, không chăm sóc gia đình nên vợ chồng thường cự cãi nhau và ly thân từ tháng 4/2017 đến nay.

Căn cứ kết quả xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà P và ông H tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố H thì Ủy ban nhân dân xã không nắm rõ tình trạng hôn nhân giữa bà P và ông H.

Xét thấy, trong quá trình chung sống giữa bà P và ông H xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến việc sống ly thân thời gian dài. Trong thời gian ly thân, hai bên không gặp nhau để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bản thân bà P không còn yêu thương và không còn muốn tiếp tục chung sống với ông H. Ông H trình bày vẫn còn thương vợ con, nhưng lại không đưa ra được biện pháp đoàn tụ, thuyết phục bà P hàn gắn gia đình nên Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa bà P và ông H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài.

Do đó, việc ông H xin đoàn tụ là không có căn cứ; bà P xin ly hôn với ông H là có căn cứ; Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà P đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P đối với ông H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2]. Về con chung: Bà P và ông H xác định có một con chung tên Nguyễn Hoàng Anh K1, sinh ngày 24/01/2016, giới tính nam, hiện đang sống chung với cha mẹ ông H tại tỉnh B. Khi ly hôn, bà P đồng ý giao con chung cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; ông H cũng có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung nếu Tòa án có căn cứ cho ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc thỏa thuận người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn giữa bà P và ông H không trái với đạo đức xã hội và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông H không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[3.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà P và ông H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[4]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 8, 9, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc P đối với ông Nguyễn Hữu H.

Bà Nguyễn Thị Ngọc P được ly hôn với ông Nguyễn Hữu H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 203, quyển số 02/2015 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, Thành phố H cấp ngày 13 tháng 11 năm 2015 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Anh K1, sinh ngày 24/01/2016, giới tính nam cho ông Nguyễn Hữu H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông H không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con chung có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi khi người không trực tiếp nuôi con đến thăm nom, chăm sóc con chung. Không ai có có quyền cản trở quyền thăm nom con chung.

Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con khi cần thiết đôi bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc P và ông Nguyễn Hữu H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0079448 ngày 11/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP HCM;
- VKSND H.Bình Chánh;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Bùi Xuân Hương